

Bản án số: 456/2025/DS-PT

Ngày 30-12-2025

“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hạnh.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồng Chương, ông Dương Hà Ngân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Vân Anh – Thư ký, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Vương Thị Bắc – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng (cơ sở 2) xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 349/2025/TLPT-DS ngày 28 tháng 10 năm 2025 về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 638/2025/QĐXXPT-DS ngày 28 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 439/2025/QĐPT-DS ngày 15 tháng 12 năm 2025, do Bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2025/DS-ST ngày 22-9-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9, tỉnh Lâm Đồng) bị kháng cáo, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn P, xã Q, tỉnh Lâm Đồng (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà Trần Thị N, sinh năm 1979; địa chỉ: Bon K, xã Q, tỉnh Lâm Đồng (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

**/ Người kháng cáo: Bị đơn bà Trần Thị N.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày: Do có quen biết trong quá trình sinh sống tại địa phương ngày 25/5/2017 DL là ngày 30/4/2017 âm lịch, bà T có cho bà Trần Thị N vay số tiền 68.000.000 đồng hẹn trả ngày 20/11/2017 AL đến hạn xin khát thêm đến ngày 16/12/2017 AL trả nhưng không trả, mặc dù đã đòi nhiều lần, giờ bà T yêu cầu bà Trần Thị N trả cho bà T số tiền gốc là 68.000.000 đồng và tiền lãi quá hạn tạm tính từ ngày 17/12/2017 đến ngày 11/6/2025 là: 68.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 89 tháng = 167.438.000. Tổng

cộng gốc lãi là 235.438.000 đồng và tiếp tục chịu lãi cho đến khi xét xử. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T thay đổi một phần nội dung khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi suất, do bà T tính toán bị sai ngày giữa ngày âm và ngày dương; giờ bà T yêu cầu Tòa án buộc bà N phải trả số tiền lãi với mức lãi suất là 10%/năm (0,83%/tháng) tính từ ngày 03/02/2018 tức ngày 17/12/2017 AL đến ngày xét xử sơ thẩm 22/9/2025 dl là 91 tháng 20 ngày; $68.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 91 \text{ tháng} 20 \text{ ngày} = 51.681.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng gốc lãi là 119.681.000 đồng. Đồng thời, Tiền bà T cho bà Trần Thị N vay không liên quan đến chồng bà T là ông Trần Quang H và bà chỉ yêu cầu bà N trả tiền nợ, không yêu cầu chồng bà N trả nợ, vì khi vay tiền và ký giấy vay tiền chỉ một mình bà N ký còn chữ ký Q không phải chồng bà N ký.

2. Bị đơn là bà Trần Thị N trình bày: Số tiền nợ 68.000.000 đồng bà N nợ của bà Trần Thị T thì bà N xác nhận có nợ số tiền này, do bà chơi hụi với bà T, trong quá trình chơi hụi bà Trần Thị T làm cái, bà N có đóng tiền hụi cho bà T đến khi bẻ hụi thì không có tiền để đóng nữa từ năm 2017. Quan điểm của bà N là vẫn xác nhận nợ bà T số tiền 68.000.000 đồng trên và xin trả tiền gốc, trả dần mỗi tháng là 2.000.000 đồng, bắt đầu trả là 30/01/2026 cho đến khi xong nợ. Về lãi suất, theo bà T yêu cầu là thì bà N không đồng ý trả lý do là chơi hụi nên trả tiền hụi không trả lãi suất. Việc vay mượn này không liên quan đến chồng bà N là ông Võ Tấn Q.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2025/DS-ST ngày 22-9-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Lâm Đồng quyết định: tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T. Buộc bà Trần Thị N phải trả cho bà Trần Thị T tổng số tiền 119.737.000 đồng (*Một trăm mười chín triệu bảy trăm ba mươi bảy nghìn đồng*). Trong đó, số tiền nợ gốc 68.000.000 đồng (*Sáu mươi tám triệu đồng*), tiền lãi 51.737.000 đồng (*Năm mươi một triệu bảy trăm ba mươi bảy nghìn đồng*).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Trần Thị N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

*/ Tại phiên tòa người kháng cáo không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào mới và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết tuyên sửa bản án sơ thẩm, theo hướng không chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

*/ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*: Sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Giữ nguyên Bản án số 14/2025/DS-ST ngày 22-9-2025 của Tòa án

nhân dân khu vực 9, tỉnh Lâm Đồng. Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến các đương sự, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về tố tụng: Căn cứ khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự, bà Trần Thị N kháng cáo trong thời hạn luật định. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng thụ lý vụ án để xem xét kháng cáo của bị đơn theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét nội dung yêu cầu khởi kiện và đơn kháng cáo của bà Trần Thị N:

[2.1]. Căn cứ theo Giấy mượn tiền ngày 15/5/2017 tức ngày 30/4 (âm lịch), giấy hẹn trả tiền ngày 20/11/2017 xin khất hẹn tiếp đến ngày 16/12/2017 (âm lịch) có ký nhận của người vay tiền là bà Trần Thị N với số tiền 68.000.000đồng. Đồng thời, bà N thừa nhận có nợ bà T số tiền 68.000.000 đồng gốc xin trả dần mỗi tháng là 2.000.000 đồng, thời hạn trả bắt đầu từ ngày 30/01/2026 cho đến khi trả hết nợ. Bà T cũng thừa nhận bà N nợ bà số tiền nêu trên. Tuy nhiên, sau khi đến hạn bà N không trả cho bà T khoản tiền nào nên đã vi phạm nghĩa vụ dân sự theo khoản 1 Điều 351 của BLDS.

[2.2]. Tại khoản 2 Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *“Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc”*.

Tại cấp sơ thẩm, các đương sự không có yêu cầu trong trường hợp đã hết thời hiệu khởi kiện. Mặt khác, sau khi xét xử sơ thẩm bà Trần Thị N có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị áp dụng thời hiệu khởi kiện. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng quy định về thời hiệu trong giải quyết vụ việc dân sự nêu trên là có cơ sở và bị đơn bà Trần Thị N phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền lãi cho phía nguyên đơn theo quy định pháp luật.

[2.3]. Về tiền lãi: Do bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên theo Điều 357 của Bộ luật dân sự thì bà T có quyền yêu cầu bà N phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả đồng thời các bên đương sự không thỏa thuận được lãi suất chậm trả nên theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự mức lãi suất được áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, cụ thể: Bà N phải trả số tiền lãi suất của số tiền 68.000.000 đồng với mức lãi suất là 10%/năm (0,83%/tháng) tính từ ngày bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ ngày 17/12/2017 (âm lịch) tức ngày 02/02/2018 (dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm 22/9/2025 theo yêu cầu của bà T là có cơ sở và được tính như sau: 68.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 91 tháng 20 ngày = 51.737.000 đồng.

Từ những phân tích, nhận định trên xét thấy Bản án sơ thẩm tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T, buộc bị đơn bà Trần Thị N phải trả tiền nợ gốc và lãi là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị N. Xét quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[3]. Về án phí: Do kháng cáo không chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị N. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2025/DS-ST ngày 22-9-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Lâm Đồng.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 3 Điều 144, Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 351, khoản 2 Điều 357, Điều 463, khoản 1, khoản 5 Điều 466, khoản 2 Điều 468, khoản 1 Điều của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T. Buộc bà Trần Thị N phải trả cho bà Trần Thị T tổng số tiền 119.737.000đồng (*Một trăm mười chín triệu bảy trăm ba mươi bảy nghìn đồng*). Trong đó số tiền nợ gốc 68.000.000 đồng (*Sáu mươi tám triệu đồng*), tiền lãi 51.737.000đồng (*Năm mươi một triệu bảy trăm ba mươi bảy nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Trần Thị N phải chịu 5.987.000 đồng (*Năm triệu chín trăm tám mươi bảy nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Trần Thị T số tiền 5.886.000đồng (*Năm triệu tám trăm tám mươi sáu nghìn đồng*) tạm ứng án phí theo biên theo biên lai số 0008361, ngày 17 tháng 6 năm 2025 nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông nay là Phòng thi hành dân sự khu vực 9, tỉnh Lâm Đồng.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc bà Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ số tiền 300.000

đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004991 ngày 14/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

3. Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTC (Vụ II);
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND khu vực 9, tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 9, tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu HS, TDS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thế Hạnh

